

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 21/8/2019

V/v Ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí

2. Bà Đỗ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên

Ngày 21/8/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Xuân P, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nộp ngày 28/02/2019 và quá tình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Xuân P có thời gian tìm hiểu khoảng 1 năm trên cơ sở tự nguyện, được 2 bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã P1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/12/2001. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2006 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P thường xuyên chơi bài, không tu chí

làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh P cũng đã ngồi lại phân tích tìm hướng giải quyết nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh P không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 2 con chung Lê Sỹ A, sinh ngày 17/9/2002 và Lê Sỹ P2, sinh ngày 18/8/2013. Nguyên vọng của chị xin được nuôi cháu P2, cháu A đã lớn nên để cháu ở với anh P và ông bà nội, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về việc làm và thu nhập: Hiện nay chị đang làm việc tại công ty cổ phần thể thao và giải trí Bằng Linh, địa chỉ: Lô TH05, khu đô thị mới V - L - Hà Nội, mức thu nhập 7.500.000đ/tháng (có giấy xác nhận lương của công ty). Sau khi ly hôn chị sẽ đưa con ra nơi chị làm việc để tiện chăm sóc dạy dỗ con, bớt gánh nặng cho ông bà nội, vì từ trước đến nay anh P không có trách nhiệm gì đối với chị và các con mà chủ yếu chị dựa vào ông bà nội để nuôi con. Chị rất biết ơn và biết ơn ông bà nội của các con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai đề ngày 06/3/2019 và quá trình giải quyết, xét xử, bị đơn anh Lê Xuân P trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1, huyện N1 ngày 26/12/2001. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhưng sau đó lại tự dàn xếp được, nhưng đến năm 2016 mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt trong gia đình, từ năm 2018 chị T về ngoại ở đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm ai. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên đồng ý ly hôn.

Về số con chung và ngày tháng năm sinh của con, anh thống nhất như chị T đã trình bày. Anh trình bày thêm hiện nay 2 cháu đang ở với anh tại nhà ông bà nội. Ly hôn anh xin nuôi 2 con không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Anh làm nghề Nông và lao động tự do, công việc và mức thu nhập không ổn định, mức thu nhập mỗi tháng khoảng từ 4.500.000đ đến 5.000.000đ.

Về tài sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Đối với các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh P. Giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu P2. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

[1.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Xuân P có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quá trình chung sống vợ chồng không quan tâm đến nhau, từ đó mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị T xin được ly hôn anh P, về phía anh P cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về con chung: Chị T và anh P có 2 con chung Lê Sỹ A, sinh ngày 17/9/2002 và Lê Sỹ P2, sinh ngày 18/8/2013. Ly hôn chị T có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi cháu P2, anh P trực tiếp nuôi cháu A; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía anh P có nguyện nuôi 2 con không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Nguyện vọng của cha, mẹ được trực tiếp nuôi con sau ly hôn là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần đánh giá toàn diện về mọi mặt và trên quan điểm vì lợi ích của con trẻ. Về việc làm và mức thu nhập thì thấy: Anh, chị đang độ tuổi lao động, có sức khỏe, có thu nhập; chị T có việc làm, mức thu nhập ổn định và cao hơn anh P. Vì vậy, chấp nhận ý kiến của chị T. Giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu P2, anh P trực tiếp nuôi cháu A là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi bên. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[1.3] Tài sản và nợ chung: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[2] Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn và không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Xuân P.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Sỹ P2, sinh ngày 18/8/2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Sỹ A, sinh ngày 17/9/2002 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Chị Thu, anh Phương có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0001862 ngày 01/3/2019, chấp nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Quyền kháng cáo: Chị T, anh P được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã P1, huyện N1;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn văn Tình

